

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2021, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.¹

¹ Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.”

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về:

1. Điều kiện, hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo khoản 2 Điều 10; khoản 4 Điều 12; khoản 4 Điều 16; khoản 6 Điều 17; khoản 2 Điều 74.
2. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại một số thị trường, ngành, nghề, công việc theo khoản 2 Điều 8.
3. Mức ký quỹ, quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp theo khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 36.
4. Mức trần tiền ký quỹ, quản lý, sử dụng và hoàn trả tiền ký quỹ của người lao động theo khoản 5 Điều 25; điểm c khoản 1 Điều 43.
5. Điều kiện, thủ tục đăng ký trực tuyến hợp đồng lao động giao kết sau khi xuất cảnh theo khoản 2 Điều 54.
6. Các biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp Việt Nam hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
2. Công dân Việt Nam giao kết hợp đồng lao động hợp pháp sau khi xuất cảnh.
3. Doanh nghiệp Việt Nam hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây viết tắt là doanh nghiệp dịch vụ).
4. Doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động Việt Nam đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài.
5. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được giao nhiệm vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây viết tắt là đơn vị sự nghiệp).
6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Điều 3. Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng²

1. Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi là Giấy phép) do Bộ trưởng Bộ Nội vụ cấp cho doanh nghiệp đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định này.

2. Giấy phép được cấp theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Điều kiện về nhân viên nghiệp vụ

1.³ Doanh nghiệp bố trí nhân viên nghiệp vụ có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên để thực hiện đủ các nội dung hoạt động quy định tại Điều 9 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

2. Nhân viên nghiệp vụ phải có giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại doanh nghiệp, trừ trường hợp không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

3.⁴ Chi nhánh được doanh nghiệp dịch vụ giao nhiệm vụ thực hiện một số nội dung hoạt động quy định tại Điều 9 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải có nhân viên nghiệp vụ trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên để thực hiện các nội dung hoạt động được giao và đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 5. Điều kiện về cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng cho người lao động

1. Cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng phải đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh và đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

a) Có phòng học và phòng nội trú cho ít nhất 100 học viên tại một thời điểm; có nơi sơ cứu, cấp cứu với trang thiết bị, phương tiện sơ cứu, cấp cứu;

b) Phòng học có diện tích tối thiểu 1,4 m²/học viên, có trang thiết bị cơ bản phục vụ học tập;

c)⁵ Phòng nội trú có diện tích tối thiểu 3,5 m²/học viên, có trang thiết bị cơ bản bảo đảm phục vụ sinh hoạt nội trú; bố trí không quá 12 học viên/phòng; bố trí khu vực riêng biệt cho học viên nam và nữ (nếu có học viên nữ), có đủ buồng tắm và nhà vệ sinh.

2.⁶ (được bãi bỏ)

3.⁷ Chi nhánh được doanh nghiệp dịch vụ giao tổ chức giáo dục định hướng phải có cơ sở vật chất bảo đảm điều kiện an toàn, vệ sinh; có phòng học và phòng nội trú đáp ứng quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

4.⁸ (được bãi bỏ)

Điều 6. Điều kiện về trang thông tin điện tử⁹

1. Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp dịch vụ phải sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, đăng tải hình ảnh của Giấy phép được cấp gần nhất và các thông tin quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có thay đổi về thông tin quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp dịch vụ phải cập nhật lên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp.

⁵ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁶ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁸ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 7. Mẫu văn bản đề nghị cấp Giấy phép và giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Giấy tờ chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 10 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

a)¹⁰ 01 bản sao sổ đăng ký thành viên mới nhất đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; 01 bản sao sổ đăng ký cổ đông mới nhất đối với công ty cổ phần;

b) 01 bản chính Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

c)¹¹ 01 bản sao văn bằng chuyên môn; 01 bản sao giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc (được thể hiện bằng một trong các giấy tờ sau: quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động, văn bản chấm dứt hợp đồng lao động; thông báo xác nhận thời gian tham gia bảo hiểm xã hội; giấy xác nhận kinh nghiệm của nơi đã làm việc) của người đại diện theo pháp luật;

d)¹² 01 bản chính Danh sách nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định này; 01 bản sao văn bằng chuyên môn, văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) đối với mỗi nhân viên nghiệp vụ;

đ) 01 bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc hợp đồng thuê cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng, kèm theo bảng kê do doanh nghiệp xác nhận về trang thiết bị, sơ đồ mặt bằng phòng học và khu vực nội trú.

3.¹³ Trường hợp doanh nghiệp có sự thay đổi về nhân viên nghiệp vụ, cơ sở vật chất, trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày có sự thay đổi, doanh nghiệp dịch vụ cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở

¹⁰ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

¹¹ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

¹² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

¹³ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

nước ngoài theo hợp đồng và gửi thông báo đến Bộ Nội vụ kèm theo các giấy tờ chứng minh tại khoản 2 Điều này tương ứng với sự thay đổi.

4.¹⁴ (được bãi bỏ)

Điều 8. Liên thông trong việc cấp Giấy phép qua mạng thông tin điện tử¹⁵

1. Bộ Tài chính chia sẻ thông tin dữ liệu về tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ của doanh nghiệp để Bộ Nội vụ tra cứu, phục vụ việc cấp Giấy phép.

2. Bộ Công an chia sẻ thông tin về phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép và doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép để Bộ Nội vụ tra cứu điều kiện đối với người đại diện theo pháp luật. Trường hợp dữ liệu về lý lịch tư pháp chưa được liên thông, Bộ Nội vụ có văn bản gửi Bộ Công an để xác minh thông tin đối với người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc sử dụng bản điện tử được cấp trên ứng dụng VneID.

3. Bộ Nội vụ chia sẻ thông tin về Giấy phép đã cấp với Bộ Tài chính, Bộ Công an để thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp dịch vụ.

4. Việc phối hợp liên thông giữa Bộ Công an, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ được thực hiện qua phương thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nộp lại Giấy phép

1. Đối với doanh nghiệp dịch vụ bị hợp nhất, bị sáp nhập hoặc bị chia theo quy định của Luật Doanh nghiệp:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tình trạng pháp lý của doanh nghiệp dịch vụ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được chuyển sang đã bị hợp nhất, bị sáp nhập hoặc bị chia, công ty hợp nhất, công ty nhận sáp nhập, các công ty được chia nộp lại Giấy phép cho Bộ Nội vụ¹⁶ và thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này.

¹⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

¹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

¹⁶ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

2. Đối với doanh nghiệp dịch vụ giải thể, phá sản hoặc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp được chuyển sang đang làm thủ tục giải thể, đã phá sản hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định về việc chấm dứt hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp nộp lại Giấy phép cho Bộ Nội vụ¹⁷ và thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Doanh nghiệp báo cáo Bộ Nội vụ¹⁸ bằng văn bản về các hợp đồng cung ứng lao động còn hiệu lực; danh sách người lao động đang làm việc ở nước ngoài; danh sách người lao động đã tuyển chọn, đang tham gia bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng; tiền ký quỹ và các khoản đã thu từ người lao động và việc đóng góp vào Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước.

Điều 10. Thu hồi Giấy phép

1. Trường hợp cơ quan công an có thẩm quyền hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bản chính các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có văn bản khẳng định nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép là giả mạo, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản, Bộ trưởng Bộ Nội vụ¹⁹ ra quyết định thu hồi Giấy phép.

2. Trường hợp doanh nghiệp dịch vụ không duy trì các điều kiện quy định tại Điều 10 hoặc vi phạm quy định tại một trong các khoản 1, 2, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13 Điều 7 hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng về vật chất, tinh thần đối với người lao động do doanh nghiệp không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các điểm c, e, g, h và i khoản 2 Điều 26 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm

¹⁷ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

¹⁸ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

¹⁹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

quyền lập biên bản về hành vi vi phạm, Bộ trưởng Bộ Nội vụ²⁰ ra quyết định thu hồi Giấy phép.

3. Trường hợp doanh nghiệp dịch vụ không đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong thời gian 24 tháng liên tục mà không phải do thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, bất ổn chính trị, suy thoái kinh tế hoặc vì lý do bất khả kháng khác dẫn đến bên nước ngoài không thể tiếp nhận người lao động, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng thứ 24, Bộ trưởng Bộ Nội vụ²¹ ra quyết định thu hồi Giấy phép.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Nội vụ²² ra quyết định thu hồi Giấy phép, doanh nghiệp báo cáo Bộ Nội vụ²³ bằng văn bản về các hợp đồng cung ứng lao động còn hiệu lực; danh sách người lao động đang làm việc ở nước ngoài; danh sách người lao động đã tuyển chọn, đang tham gia bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng; tiền ký quỹ, các khoản đã thu từ người lao động và việc đóng góp vào Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước.

Điều 11. Hồ sơ, thủ tục đổi Giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 74 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị đổi Giấy phép theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo về việc đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 1 Điều 10 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

²⁰ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

²¹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

²² Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

²³ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

c) Bản chính Giấy phép còn hiệu lực đã được cấp theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11.

2.²⁴ Thủ tục:

a) Doanh nghiệp dịch vụ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Nội vụ hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia <https://dichvucong.gov.vn>.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ trưởng Bộ Nội vụ xem xét, cấp đổi Giấy phép cho doanh nghiệp dịch vụ. Trường hợp không cấp đổi Giấy phép, Bộ Nội vụ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương III

ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC TẠI MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG, NGÀNH, NGHỀ, CÔNG VIỆC

Mục 1²⁵

Điều 12. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc)²⁶

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép và đã thông báo đáp ứng điều kiện thị trường, ngành, nghề theo quy định tại Điều 15a Nghị định này.

2. Doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực tiếng Trung trình độ tối thiểu HSK5 hoặc tương đương và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời hạn 02 năm tính đến ngày thông báo đáp ứng điều kiện đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc).

Điều 13.²⁷ (được bãi bỏ)

²⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

²⁵ Tên của Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

²⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

²⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 14.²⁸ (được bãi bỏ)**Mục 2²⁹****Điều 15. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản³⁰**

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy phép và đã thông báo đáp ứng điều kiện thị trường, ngành, nghề theo quy định tại Điều 15a Nghị định này.

2. Doanh nghiệp có nhân viên nghiệp vụ có năng lực tiếng Nhật trình độ tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương và có kinh nghiệm trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản.

3. Trường hợp doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc nghề hộ lý tại Nhật Bản, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có giáo viên để bồi dưỡng kỹ năng nghề hộ lý cho người lao động theo chương trình của Nhật Bản;

b) Có cơ sở đào tạo hoặc cơ sở liên kết đào tạo của doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có các trang bị, thiết bị nghe nhìn cơ bản để phục vụ đào tạo tiếng Nhật, có phòng thực hành được trang bị xe lăn, khung hỗ trợ di chuyển, giường y tế, bàn ghế ăn, tay vịn gắn tường, ghế tắm, bồn tắm, bồn cầu tự động và tủ đựng dụng cụ y tế để phục vụ bồi dưỡng kỹ năng nghề hộ lý theo chương trình của Nhật Bản.

Điều 15a. Thông báo đáp ứng điều kiện của thị trường, ngành nghề³¹

1. Trước khi thực hiện hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản và nghề hộ lý tại Nhật Bản, doanh nghiệp thực hiện việc thông báo trực tuyến trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về việc đáp ứng điều kiện của thị trường, ngành, nghề theo quy định tại Điều 12, Điều 15 của Nghị định này.

2. Ngay sau khi doanh nghiệp thực hiện việc thông báo trực tuyến tại khoản 1 Điều này thành công, doanh nghiệp được phép hoạt động đưa người lao động đi

²⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ 01 tháng 01 năm 2026.

²⁹ Tên của Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

³⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

³¹ Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

làm việc tại các thị trường, ngành nghề đã thông báo.

3. Trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại thị trường, ngành, nghề đã thông báo đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp thực hiện thông báo chấm dứt hoạt động trực tuyến trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Sau khi thông báo chấm dứt hoạt động thành công, doanh nghiệp không phải duy trì các điều kiện tương ứng quy định tại Điều 12, Điều 15 của Nghị định này.

4. Bộ Nội vụ có trách nhiệm thông báo, cập nhật thông tin các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện hoạt động, không đáp ứng điều kiện hoạt động hoặc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động đưa người lao động đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản và nghề hộ lý tại Nhật Bản đến các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận lao động để phối hợp quản lý.

5. Trong trường hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gặp sự cố đường truyền, kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng làm gián đoạn quá trình thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp nộp 01 bản giấy Thông báo theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đến Bộ Nội vụ.

Điều 15b. Thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài³²

1. Việc thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài theo yêu cầu của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận lao động được thực hiện trực tuyến trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Doanh nghiệp nhập thông báo danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận, thông tin người lao động tại thông báo bao gồm:

- a) Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính;
- b) Quê quán;
- c) Nơi thường trú;
- d) Số định danh cá nhân;
- đ) Số hộ chiếu;
- e) Số điện thoại liên hệ tại Việt Nam;
- g) Ngày dự kiến xuất cảnh;
- h) Số điện thoại liên hệ của người thân tại Việt Nam

³² Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách người lao động, Bộ Nội Vụ có trách nhiệm xác nhận thông báo của doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gặp sự cố đường truyền, kỹ thuật, sự kiện bất khả kháng làm gián đoạn quá trình thực hiện quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều này, doanh nghiệp nộp 01 bản giấy danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận và bao gồm các thông tin tại khoản 2 Điều này đến Bộ Nội vụ.

Điều 16.³³ (được bãi bỏ)

Điều 17.³⁴ (được bãi bỏ)

Điều 18.³⁵ (được bãi bỏ)

Điều 19.³⁶ (được bãi bỏ)

Mục 3³⁷

Điều 20. Điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài³⁸

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép.
2. Doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện:

a) Có nhân viên của doanh nghiệp thường trực ở nước ngoài có năng lực ngoại ngữ phù hợp và kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận.

³³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

³⁴ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

³⁵ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

³⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

³⁷ Tên của Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

³⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

b) Có nhân viên nghiệp vụ có kinh nghiệm về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước tiếp nhận.

Điều 21. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình

1. Hồ sơ:

a) Văn bản đề nghị theo Mẫu số 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

b) 01 bản sao văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ; 01 bản sao giấy tờ chứng minh kinh nghiệm làm việc (hợp đồng lao động, văn bản chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quá trình tham gia bảo hiểm xã hội hoặc giấy xác nhận kinh nghiệm của nơi đã làm việc) của nhân viên nghiệp vụ quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này.

2. Thủ tục:

a) Doanh nghiệp dịch vụ nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử (www.dolab.gov.vn)³⁹;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản chấp thuận để doanh nghiệp tham gia hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do⁴⁰.

Điều 22. Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài

1. Trước khi đưa người lao động đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài, doanh nghiệp phải nộp danh sách người lao động đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xác nhận⁴¹.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc trước khi nộp hồ sơ cấp thị thực cho người lao động, doanh nghiệp dịch vụ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử (www.dolab.gov.vn) danh sách người lao động (bao gồm họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, số hộ chiếu/căn cước công dân, thời gian đã được bồi dưỡng kỹ năng nghề giúp việc gia đình và ngoại ngữ hoặc kinh nghiệm làm việc phù hợp, số điện thoại của người lao động, ngày dự kiến xuất cảnh, tên, địa chỉ của bên nước ngoài tiếp nhận người lao động và người sử dụng lao động) theo hợp đồng cung ứng lao động đã được chấp thuận⁴².

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách người lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác nhận danh sách. Trường hợp

³⁹ Nội dung này đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

⁴⁰ Nội dung này đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

⁴¹ Nội dung này đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

⁴² Nội dung này đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

không xác nhận, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do⁴³.

Chương IV

MỨC KÝ QUỸ, VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TIỀN KÝ QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP

Mục 1

TIỀN KÝ QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ

Điều 23. Mức ký quỹ

1. Doanh nghiệp thực hiện ký quỹ 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) tại một ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây viết tắt là ngân hàng nhận ký quỹ).

2.⁴⁴ (được bãi bỏ)

Điều 24. Quản lý tiền ký quỹ

1. Doanh nghiệp và ngân hàng nhận ký quỹ ký kết hợp đồng ký quỹ bao gồm các nội dung sau: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp; tên, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của ngân hàng nhận ký quỹ; số tiền ký quỹ; mục đích ký quỹ; lãi suất tiền gửi ký quỹ theo thỏa thuận; hình thức trả lãi tiền ký quỹ; sử dụng tiền ký quỹ; rút tiền ký quỹ; tất toán tài khoản ký quỹ; trách nhiệm của các bên liên quan và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng nhận ký quỹ xác nhận bằng văn bản về việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tiền ký quỹ được ngân hàng nhận ký quỹ phong tỏa theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Sử dụng tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nội vụ⁴⁵ trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp dịch vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ được quy định tại điểm c, đ và h khoản 2 Điều 26 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

⁴³ Nội dung này đã được phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ;

⁴⁴ Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁴⁵ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

b) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quy định tại các điểm e, g khoản 2 Điều 26 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

c) Doanh nghiệp dịch vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ khác trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Sau 30 ngày kể từ ngày tiền ký quỹ được sử dụng, nếu doanh nghiệp dịch vụ không hoàn trả số tiền ký quỹ đã sử dụng và đảm bảo mức ký quỹ theo quy định, ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ Nội vụ⁴⁶.

3. Doanh nghiệp được nhận lại tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Doanh nghiệp nộp lại 02 bản chính giấy xác nhận ký quỹ cho ngân hàng nhận ký quỹ để nhận lại tiền ký quỹ.

b) Doanh nghiệp không được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc doanh nghiệp đã ký quỹ tại tài khoản khác và đề nghị tất toán tài khoản đã ký quỹ trước đó hoặc doanh nghiệp dịch vụ đã giải thể theo quy định: Bộ Nội vụ⁴⁷ có văn bản đề nghị ngân hàng nhận ký quỹ trả lại tiền ký quỹ cho doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài sau khi nộp lại Giấy phép hoặc bị thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

Doanh nghiệp gửi Bộ Nội vụ⁴⁸ báo cáo kèm theo tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và đóng góp đầy đủ vào Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, Bộ Nội vụ⁴⁹ có văn bản đề nghị ngân hàng nhận ký quỹ trả lại tiền ký quỹ cho doanh

⁴⁶ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁴⁷ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁴⁸ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁴⁹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

nghiệp. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Nội vụ⁵⁰ trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Doanh nghiệp dịch vụ chấm dứt giao nhiệm vụ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài cho chi nhánh hoặc chi nhánh chấm dứt hoạt động:

Doanh nghiệp dịch vụ gửi Bộ Nội vụ⁵¹ báo cáo về việc chấm dứt giao nhiệm vụ cho chi nhánh hoặc chi nhánh chấm dứt hoạt động. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo, Bộ Nội vụ⁵² có văn bản đề nghị ngân hàng nhận ký quỹ trả lại phần ký quỹ của doanh nghiệp đã thực hiện đối với chi nhánh.

Mục 2

TIỀN KÝ QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI ĐÀO TẠO, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ, KỸ NĂNG NGHỀ Ở NƯỚC NGOÀI

Điều 26. Mức tiền ký quỹ

1. Doanh nghiệp thực hiện việc ký quỹ tại một ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (sau đây viết tắt là ngân hàng nhận ký quỹ).

2. Mức tiền ký quỹ bằng 10% một lượt vé máy bay hạng phổ thông từ nơi làm việc về Việt Nam tính theo số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong Hợp đồng nhận lao động thực tập.

Điều 27. Quản lý tiền ký quỹ

1. Doanh nghiệp và ngân hàng nhận ký quỹ ký kết hợp đồng ký quỹ bao gồm các nội dung sau: tên, mã số, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp; tên, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của ngân hàng nhận ký quỹ; số tiền ký quỹ; mục đích ký quỹ; lãi suất tiền gửi ký quỹ; hình thức trả lãi tiền ký quỹ; sử dụng tiền ký quỹ; rút tiền ký quỹ; tất toán tài khoản ký quỹ; trách nhiệm của các bên liên quan và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

⁵⁰ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁵¹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁵² Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

2. Ngân hàng nhận ký quỹ xác nhận bằng văn bản việc ký quỹ của doanh nghiệp theo Mẫu số 11 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Tiền ký quỹ được ngân hàng nhận ký quỹ phong tỏa theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Sử dụng tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ được sử dụng để bảo đảm các nghĩa vụ của doanh nghiệp quy định tại điểm đ, h, k và m khoản 2 Điều 41 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và chỉ được sử dụng theo yêu cầu bằng văn bản của Bộ Nội vụ⁵³ (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) hoặc văn bản của cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài dưới 90 ngày).

2. Sau 30 ngày kể từ ngày tiền ký quỹ được sử dụng, nếu doanh nghiệp không hoàn trả tiền ký quỹ đã sử dụng và đảm bảo mức ký quỹ theo quy định, ngân hàng nhận ký quỹ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bộ Nội vụ⁵⁴ (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) hoặc cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài dưới 90 ngày).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp về việc đã thanh lý Hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài với người lao động kèm theo tài liệu chứng minh, Bộ Nội vụ⁵⁵ (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) hoặc cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài dưới 90 ngày) có văn bản gửi ngân hàng nhận ký quỹ đề nghị trả tiền ký quỹ cho doanh nghiệp.

⁵³ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁵⁴ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁵⁵ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Chương V**MỨC TRẦN TIỀN KÝ QUỸ, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ
HOÀN TRẢ TIỀN KÝ QUỸ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG****Mục 1****TIỀN KÝ QUỸ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI DOANH NGHIỆP DỊCH VỤ****Điều 29. Mức trần tiền ký quỹ của người lao động**

Doanh nghiệp dịch vụ và người lao động thỏa thuận về ngân hàng nhận ký quỹ, việc ký quỹ, trong đó tiền ký quỹ không vượt quá mức trần quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và phải được ghi rõ trong Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Điều 30. Thực hiện ký quỹ

1. Người lao động, doanh nghiệp dịch vụ và ngân hàng nhận ký quỹ thỏa thuận ký kết hợp đồng ký quỹ để thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm các nội dung sau: tên, số căn cước công dân/hộ chiếu và địa chỉ của người lao động; tên, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của ngân hàng nhận ký quỹ; tên, mã số, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp; số tiền ký quỹ; mục đích ký quỹ; lãi suất tiền gửi ký quỹ; hình thức trả lãi tiền ký quỹ; sử dụng tiền ký quỹ; rút tiền ký quỹ; tất toán tài khoản ký quỹ; trách nhiệm của các bên liên quan và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc ký quỹ chỉ được thực hiện sau khi doanh nghiệp dịch vụ và người lao động ký Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và người lao động đã được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc hoặc cấp thị thực nhập cảnh nước hoặc vùng lãnh thổ làm việc.

Điều 31. Quản lý và sử dụng tiền ký quỹ

1. Tiền ký quỹ của người lao động được sử dụng để bù đắp thiệt hại phát sinh do lỗi của người lao động gây ra đối với doanh nghiệp dịch vụ theo Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

2. Doanh nghiệp dịch vụ và người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền thỏa thuận thống nhất về mức bù đắp thiệt hại của người lao động và ghi trong văn bản thanh lý hợp đồng.

Điều 32. Hoàn trả tiền ký quỹ

1. Các trường hợp hoàn trả tiền ký quỹ của người lao động

a) Người lao động hoàn thành hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trước thời hạn nhưng không gây thiệt hại cho doanh nghiệp; người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

b) Người lao động đã nộp tiền ký quỹ nhưng doanh nghiệp không đưa được người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong thời hạn đã cam kết hoặc quá thời hạn chờ xuất cảnh và người lao động không còn nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài;

c) Các trường hợp người lao động không gây thiệt hại cho doanh nghiệp;

d) Tiền ký quỹ của người lao động còn lại sau khi đã bù đắp thiệt hại phát sinh đối với doanh nghiệp do lỗi của người lao động gây ra theo Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

2. Thủ tục hoàn trả tiền ký quỹ của người lao động

a) Trong trường hợp nêu tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này, căn cứ văn bản thanh lý Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, ngân hàng nhận ký quỹ hoàn trả tiền ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi) cho người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền;

b) Trường hợp nêu tại điểm d khoản 1 Điều này, ngân hàng nhận ký quỹ hoàn trả tiền ký quỹ cho người lao động (bao gồm cả gốc và lãi) căn cứ vào văn bản thanh lý Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc căn cứ vào quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật hoặc theo văn bản hòa giải thành hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành của Tòa án.

3. Trường hợp doanh nghiệp dịch vụ không làm thủ tục để người lao động nhận lại tiền ký quỹ theo quy định hoặc không đạt được thỏa thuận với người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định này thì người lao động có quyền kiến nghị bằng văn bản đến Bộ Nội vụ⁵⁶ để được giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp doanh nghiệp chuyển giao quyền, nghĩa vụ cho doanh nghiệp có Giấy phép khác theo quy định tại khoản 3 Điều 28 hoặc điểm a khoản 3 Điều 29 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, trách nhiệm thanh lý Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài để người lao động được hoàn trả tiền ký quỹ thuộc về doanh nghiệp tiếp nhận.

5. Trong trường hợp doanh nghiệp phá sản bàn giao hồ sơ cho Bộ Nội vụ⁵⁷ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 của Luật Người lao động Việt Nam đi

⁵⁶ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁵⁷ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết

làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Bộ Nội vụ⁵⁸ có văn bản gửi ngân hàng nhận ký quỹ về việc hoàn trả tiền ký quỹ cho người lao động.

Mục 2

KÝ QUỸ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

Điều 33. Biện pháp ký quỹ

1. Đơn vị sự nghiệp và người lao động thỏa thuận về biện pháp ký quỹ phù hợp với thỏa thuận quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Trường hợp thỏa thuận quốc tế không có quy định về biện pháp ký quỹ thì đơn vị sự nghiệp và người lao động thỏa thuận về việc ký quỹ theo quy định của pháp luật dân sự nhưng giá trị không vượt quá mức trần tiền ký quỹ quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 34. Thực hiện ký quỹ

1. Người lao động, đơn vị sự nghiệp và ngân hàng nhận ký quỹ thỏa thuận ký kết hợp đồng ký quỹ để thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm các nội dung sau: tên, số căn cước công dân/hộ chiếu và địa chỉ của người lao động; tên, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của đơn vị sự nghiệp; tên, địa chỉ, người đại diện hợp pháp của ngân hàng nhận ký quỹ; giá trị ký quỹ; mục đích ký quỹ; lãi suất tiền gửi ký quỹ và hình thức trả lãi tiền ký quỹ (nếu ký quỹ bằng tiền); sử dụng ký quỹ; hoàn trả ký quỹ; trách nhiệm của các bên liên quan và các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc ký quỹ chỉ được thực hiện sau khi đơn vị sự nghiệp và người lao động ký Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và người lao động đã được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc hoặc cấp thị thực.

Điều 35. Quản lý và sử dụng tài sản ký quỹ

1. Ký quỹ của người lao động được sử dụng để bù đắp thiệt hại phát sinh do lỗi của người lao động gây ra đối với đơn vị sự nghiệp theo Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

2. Đơn vị sự nghiệp và người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền thỏa thuận thống nhất về mức bù đắp thiệt hại và ghi trong văn bản thanh lý hợp đồng.

một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁵⁸ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

Điều 36. Hoàn trả ký quỹ

1. Các trường hợp hoàn trả ký quỹ của người lao động

a) Người lao động hoàn thành hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trước thời hạn nhưng không gây thiệt hại cho đơn vị sự nghiệp; người lao động đơn phương chấm dứt Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 6 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

b) Người lao động đã thực hiện việc ký quỹ nhưng đơn vị sự nghiệp không đưa được người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

c) Các trường hợp người lao động không gây thiệt hại cho đơn vị sự nghiệp;

d) Sau khi người lao động đã bù đắp thiệt hại phát sinh đối với đơn vị sự nghiệp do lỗi của người lao động gây ra theo Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

2. Thủ tục hoàn trả ký quỹ của người lao động

a) Trong trường hợp nêu tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này, căn cứ vào văn bản thanh lý Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, ngân hàng nhận ký quỹ hoàn trả ký quỹ (bao gồm cả gốc và lãi - nếu ký quỹ bằng tiền) cho người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền;

b) Trường hợp nêu tại điểm d khoản 1 Điều này, ngân hàng nhận ký quỹ hoàn trả ký quỹ cho người lao động (bao gồm cả gốc và lãi - nếu ký quỹ bằng tiền) căn cứ vào văn bản thanh lý Hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài hoặc căn cứ vào quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật hoặc theo văn bản hòa giải thành hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành của Tòa án.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp không làm thủ tục để người lao động nhận lại ký quỹ hoặc không đạt được thỏa thuận với người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 35 thì người lao động có quyền kiến nghị đến cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp để được giải quyết theo trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ TRỰC TUYẾN

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG GIAO KẾT SAU KHI XUẤT CẢNH

Điều 37. Điều kiện đăng ký hợp đồng lao động giao kết sau khi xuất cảnh

1. Không thuộc trường hợp bị cấm xuất cảnh, không được xuất cảnh, bị tạm hoãn xuất cảnh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Có hợp đồng lao động hợp pháp.

3. Cư trú hợp pháp ở nước sở tại trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động.

Điều 38. Thủ tục đăng ký trực tuyến hợp đồng lao động và đóng góp vào Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước

1. Người lao động thực hiện việc đăng ký trực tuyến hợp đồng lao động tại Trang thông tin điện tử www.dolab.moha.gov.vn⁵⁹ theo Mẫu số 12 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này; tải văn bản điện tử của hợp đồng lao động, trang hộ chiếu có thông tin cá nhân và chữ ký, giấy phép cư trú hoặc giấy tờ khác chứng minh việc cư trú hợp pháp của người lao động ở nước sở tại trong thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đăng ký hợp đồng trực tuyến, Bộ Nội vụ⁶⁰ trả lời việc tiếp nhận đăng ký hợp đồng trực tuyến, đồng thời thông báo cho Cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước sở tại. Trường hợp không chấp thuận đăng ký hợp đồng, Bộ Nội vụ⁶¹ phải nêu rõ lý do.

3. Sau khi nhận được thông báo của Bộ Nội vụ⁶² về việc chấp thuận đăng ký hợp đồng, người lao động thực hiện đóng góp vào Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước bằng hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển vào tài khoản của Quỹ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ⁶³

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu phát triển thị trường lao động ngoài nước.

⁵⁹ Cụm từ “Trang thông tin điện tử www.dolab.gov.vn” được thay thế bởi cụm từ “Trang thông tin điện tử www.dolab.moha.gov.vn.” theo quy định tại điểm a khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁶⁰ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁶¹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁶² Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁶³ Tên Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

3. Đàm phán, đề nghị cấp có thẩm quyền ký kết điều ước quốc tế về lao động theo quy định của pháp luật về điều ước quốc tế; ký kết các thỏa thuận quốc tế về lao động theo quy định của pháp luật về thỏa thuận quốc tế.

4. Tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức về hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với nhân viên nghiệp vụ của doanh nghiệp dịch vụ.

5. Quyết định việc cấp và thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

6. Xây dựng, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin để triển khai việc kết nối, chia sẻ dữ liệu số giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

7.⁶⁴ Duy trì và thường xuyên cập nhật trên trang thông tin điện tử (www.dolab.moha.gov.vn) về chính sách và văn bản quy phạm pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thông tin về các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam ký kết có liên quan đến người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; chính sách, pháp luật của thị trường tiếp nhận lao động Việt Nam; danh sách doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thông tin xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, danh sách doanh nghiệp nộp lại hoặc bị thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

8. Tổ chức, hướng dẫn việc báo cáo, đăng ký hợp đồng của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, doanh nghiệp và người lao động đi làm việc ở nước theo hợp đồng; giám sát việc thực hiện báo cáo và các hợp đồng đã đăng ký.

9. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức và thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

11. Phối hợp với Bộ Ngoại giao cử công chức, tổ chức quản lý và chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ công tác quản lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

12. Tổ chức thực hiện công tác thống kê và thông tin về lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

13. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các địa phương và các cơ quan, tổ chức liên

⁶⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

quan khác trong lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

14. Chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước địa phương trong công tác quản lý nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

1. Phối hợp với Bộ Nội vụ⁶⁵, các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ về chủ trương, chính sách về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài thực hiện các công tác sau:

a) Bảo hộ lãnh sự, bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động Việt Nam làm việc ở nước sở tại phù hợp với pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước đó là thành viên;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong nước xử lý những vấn đề phát sinh ở nước sở tại liên quan đến người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, nghiên cứu và cung cấp thông tin để phát triển thị trường đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

c) Phối hợp với Bộ Nội vụ⁶⁶ và các cơ quan liên quan tổ chức các hoạt động xúc tiến thị trường lao động ngoài nước;

d) Khai thác thông tin về người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

đ) Tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật của nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

e) Vận động người lao động Việt Nam ở nước ngoài đăng ký hợp đồng giao kết sau khi xuất cảnh.

Điều 41. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Chỉ đạo lực lượng công an các cấp chủ động phòng ngừa, phát hiện và kịp thời xử lý các hành vi vi phạm về an ninh, trật tự, an toàn xã hội liên quan đến người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

⁶⁵ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁶⁶ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

2. Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài bất hợp pháp hoặc lợi dụng hình thức đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để xuất cảnh hoặc đưa người Việt Nam sang nước ngoài với mục đích khác.

3. Phối hợp với Bộ Nội vụ⁶⁷, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan liên quan của nước tiếp nhận lao động trong việc tiếp nhận người lao động Việt Nam bị phía nước tiếp nhận lao động trục xuất hoặc bị buộc về nước.

Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính⁶⁸

1. Chia sẻ thông tin về tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, vốn điều lệ, chủ sở hữu, danh sách thành viên, cổ đông của doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép và doanh nghiệp dịch vụ cho Bộ Nội vụ⁶⁹ để thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Thông tin cho Bộ Nội vụ⁷⁰ về việc cấp, điều chỉnh và chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cấp, điều chỉnh hoặc ban hành Quyết định chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để phối hợp quản lý về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ký với các tổ chức, cá nhân đầu tư ra nước ngoài.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Chỉ đạo giải quyết các vấn đề liên quan đến người lao động Việt Nam do đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý đưa đi làm việc ở nước ngoài.

2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định của pháp luật.

⁶⁷ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁶⁸ Cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁶⁹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁷⁰ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

3. Phối hợp với Bộ Nội vụ⁷¹ quản lý người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong một số ngành, nghề, công việc đặc thù thuộc lĩnh vực do bộ, ngành quản lý.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Thực hiện quản lý nhà nước về người lao động đi làm việc ở nước ngoài tại địa phương.

2. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới:

a) Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

b) Hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đơn vị sự nghiệp tuyển lao động tại địa phương và quản lý người lao động của địa phương làm việc ở nước ngoài;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo thẩm quyền quy định của pháp luật;

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý kịp thời các vi phạm tại địa phương của các tổ chức và cá nhân đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

đ) Tổ chức tiếp nhận đăng ký hợp đồng của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động trực tiếp giao kết với người sử dụng lao động ở nước ngoài và cập nhật trên Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

e) Tổ chức tiếp nhận đăng ký hợp đồng của doanh nghiệp Việt Nam đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề có thời gian dưới 90 ngày.

3. Báo cáo định kỳ hàng năm tới Bộ Nội vụ⁷² và báo cáo đột xuất theo yêu cầu về tình hình người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại địa phương.

⁷¹ Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁷² Cụm từ “Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội” được thay thế bởi cụm từ “ Bộ Nội vụ” theo quy định tại điểm c khoản 14 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH⁷³

Điều 45. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Nghị định số 38/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNNVN ngày 04 tháng 9 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 46. Quy định chuyển tiếp

1. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trước ngày Nghị định này có hiệu lực có trách nhiệm rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 1 Điều 10 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này, báo cáo theo Mẫu số 06 Phụ lục I và xác nhận việc ký quỹ theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 01 tháng 01 năm 2023.

2. Doanh nghiệp dịch vụ đã được chấp thuận để đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản và làm giúp việc gia đình

một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026;

⁷³ Điều 2 và Điều 3 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại thị trường Đài Loan (Trung Quốc), Nhật Bản hoặc nghề hộ lý tại Nhật Bản được tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo trình tự, thủ tục tại Nghị định số 112/2021/NĐ-CP và Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.

2. Đối với danh sách người lao động dự kiến đi làm việc ở nước ngoài được tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo trình tự, thủ tục tại Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

3. Đối với hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi Giấy phép được tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2021/NĐ-CP.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

ở nước ngoài có trách nhiệm rà soát, bổ sung, điều chỉnh để đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Chương III Nghị định này trước ngày 01 tháng 01 năm 2023.

3. Thỏa thuận ký quỹ của người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc đơn vị sự nghiệp đã được giao kết trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện theo thỏa thuận và quy định của pháp luật.

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NỘI VỤ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: /VBHN-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Vụ PC (để đăng CSDLQG về PL và Công PLQG);
- Trung tâm CNTT (để đăng Công TTĐT Bộ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục QLLĐNN.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Thanh Bình

PHỤ LỤC I
CÁC BIỂU MẪU⁷⁴

*(Kèm theo Nghị định số 372/2025/NĐ-CP
ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Mẫu số 02	Văn bản đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Mẫu số 03	Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Mẫu số 04	Danh sách nhân viên nghiệp vụ thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Mẫu số 05	Văn bản đề nghị đổi Giấy phép đã được cấp theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11
Mẫu số 06	Báo cáo về việc đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, b, d, đ và e khoản 1 Điều 10 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
Mẫu số 07	Văn bản đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài
Mẫu số 08	Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập
Mẫu số 09	Mẫu đăng ký trực tuyến hợp đồng lao động giao kết trực tiếp sau khi xuất cảnh
Mẫu số 10 ⁷⁵	Thông báo đáp ứng điều kiện thị trường, ngành, nghề

⁷⁴ Các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 10, 11 và 12 ban hành kèm theo Nghị định số 112/2021/NĐ-CP được thay thế tương ứng bằng Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 và 09 ban hành kèm theo Nghị định số 372/2026/NĐ-CP theo quy định tại điểm b khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

Các Mẫu số 07, 08 và 09 ban hành kèm theo Nghị định số 112/2021/NĐ-CP được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

⁷⁵ Mẫu này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 372/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Mẫu số 01. Mẫu Giấy phép**BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..../BNV-GP

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**Cấp ngày ... tháng ... năm ...⁷⁶

Điều chỉnh thông tin lần thứ ... ngày ... tháng ... năm...

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Theo đề nghị của và Cục trưởng Cục Quản lý lao động ngoài nước.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Cấp Giấy phép đối với**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài

Tên doanh nghiệp viết tắt

Mã số doanh nghiệp/Số định danh của cơ quan, tổ chức: đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm ...; nơi cấp

Người đại diện theo pháp luật trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Ông/Bà

Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:

Điều 2. Địa điểm hoạt động

1. Trụ sở chính:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

⁷⁶ Ghi thông tin Giấy phép trước đây (nếu có): Được đổi từ Giấy phép số/LĐTĐBXH-GP cấp ngày..... thay đổi lần thứ..... ngày..... theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 72/2006/QH11.

2. Cơ sở vật chất để giáo dục định hướng:

Địa chỉ:

3. Địa chỉ trang thông tin điện tử:

Điều 3. Nghĩa vụ của doanh nghiệp

1. Duy trì các điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong suốt quá trình hoạt động.

2. Thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Điều 4. Hiệu lực

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giấy phép này được lập thành 03 bản gốc, 01 bản cấp cho doanh nghiệp, 01 bản lưu tại Bộ Nội vụ và 01 bản lưu tại Cục Quản lý lao động ngoài nước.

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 02. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v đề nghị cấp Giấy phép
hoạt động dịch vụ đưa người
lao động Việt Nam đi làm việc
ở nước ngoài theo hợp đồng

....., ngày ... tháng... năm ...

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt¹:
 - Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
 - Tên doanh nghiệp viết tắt:
 - Mã số doanh nghiệp:đăng ký lần đầu ngày tháng... năm ..., nơi cấp
 - Số định danh của cơ quan, tổ chức:
 2. Người đại diện theo pháp luật trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài là ông/bà chức vụ
 - Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật:
 3. Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Email:
 4. Địa chỉ cơ sở vật chất để giáo dục định hướng:
 - Điện thoại: Email:
 5. Địa chỉ trang thông tin điện tử:
 6. Vốn điều lệ:
- Đề nghị Bộ Nội vụ cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Hồ sơ kèm theo gồm:

- 1
- 2

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung kê khai và các giấy tờ gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)

¹ Ghi bằng chữ in hoa.

Mẫu số 03. Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ**TÊN NGÂN HÀNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

**GIẤY XÁC NHẬN NỘP TIỀN KÝ QUỸ
HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

Căn cứ Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Hợp đồng ký quỹ số ... ngày... tháng ... năm ... đã ký kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

Ngân hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:

Fax:

XÁC NHẬN

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Fax:

Chủ tài khoản:.....Chức danh:

Đã nộp đủ số tiền ký quỹ (Bằng chữ:))

vào tài khoản ký quỹ số tại Ngân hàng.

Tài khoản ký quỹ nêu trên được phong tỏa kể từ ngày

Ngân hàng chịu trách nhiệm quản lý tài khoản ký quỹ nêu trên theo quy định tại Nghị định số.../2025/NĐ-CP.

Giấy xác nhận được lập thành 03 bản: 02 bản giao doanh nghiệp, trong đó 01 bản doanh nghiệp giữ và 01 bản nộp vào hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Bộ Nội vụ; 01 bản lưu tại ngân hàng.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 04. Danh sách nhân viên nghiệp vụ

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng... năm ...

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG
 DỊCH VỤ ĐƯA NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM ĐI LÀM VIỆC
 Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo văn bản số... ngày... tháng... năm ... đề nghị cấp Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)

Doanh nghiệp cam kết nội dung thông tin về nhân viên nghiệp vụ trong Danh sách kèm theo là chính xác.

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Vị trí nghiệp vụ	Trình độ chuyên môn	Năng lực ngoại ngữ	Mã số BHXH	Ngày bắt đầu tham gia BHXH tại doanh nghiệp	Thông tin về hợp đồng lao động ký với doanh nghiệp		
										Ngày ký hợp đồng lao động	Thời gian làm việc	Thời hạn hợp đồng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)

Mẫu số 05. Văn bản đề nghị đổi Giấy phép**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

..., ngày... tháng... năm ...

V/v đề nghị đổi Giấy phép
hoạt động dịch vụ đưa người
lao động Việt Nam đi làm việc
ở nước ngoài

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt¹:
 - Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
 - Tên doanh nghiệp viết tắt:
 - Mã số doanh nghiệp: đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm ..., thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ... nơi cấp
 - Số định danh của cơ quan, tổ chức:
 2. Thông tin về Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đã được cấp: Số cấp ngày... tháng ... năm ... cấp đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...
 3. Người đại diện theo pháp luật trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là ông/bà chức vụ
 - Số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật
 4. Địa chỉ trụ sở chính:
 - Điện thoại: Email:
 - Địa chỉ trang thông tin điện tử
 5. Địa chỉ cơ sở vật chất để giáo dục định hướng:
 - Điện thoại: Email:
 6. Vốn điều lệ tại thời điểm đề nghị đổi Giấy phép:
- Đề nghị Bộ Nội vụ đổi Giấy phép theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 74 của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Hồ sơ kèm theo gồm:*
- ...

Doanh nghiệp cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung kê khai và các giấy tờ gửi kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)

Mẫu số 06. Báo cáo đáp ứng điều kiện

TÊN DOANH NGHIỆP **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng... năm ...

**BÁO CÁO VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN THEO QUY ĐỊNH TẠI
 KHOẢN 1 ĐIỀU 10 CỦA LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM
 ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

I. Thông tin chung về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt¹:
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên doanh nghiệp viết tắt:
- Mã số doanh nghiệp: đăng ký lần đầu ngày ... tháng ...năm ...,
nơi cấp
- Số định danh của cơ quan, tổ chức:
2. Thông tin về Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi
làm việc ở nước ngoài đã được cấp: Số cấp ngày... tháng ... năm ... cấp
đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

II. Chi nhánh, địa điểm kinh doanh thực hiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (nếu có)

1. Chi nhánh: (tên, địa chỉ, mã số chi nhánh, ngày đăng ký hoạt động, quyết định giao nhiệm vụ cho chi nhánh, người đứng đầu chi nhánh, danh sách nhân viên nghiệp vụ)
2. Địa điểm kinh doanh: (tên, địa chỉ, ngày đăng ký hoạt động, mã số địa điểm kinh doanh)

III. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: (Bằng chữ))
2. Thành viên/cổ đông là người nước ngoài: Có/Không có

IV. Người đại diện theo pháp luật trong hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

(Trong trường hợp người đại diện theo pháp luật thay đổi so với người có tên trên Giấy phép tại Mục I.2 trên đây, doanh nghiệp cung cấp thông tin kèm theo giấy tờ chứng minh về người đại diện pháp luật mới theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định này).

V. Nhân viên nghiệp vụ

Danh sách nhân viên nghiệp vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này

(Trong trường hợp nhân viên nghiệp vụ mới bổ sung sau thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy phép tại Mục I.2 trên đây, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ liên quan của nhân viên nghiệp vụ mới: bằng cấp chuyên môn, văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) và kinh nghiệm làm việc (nếu có))

VI. Cơ sở vật chất để tổ chức giáo dục định hướng cho người lao động

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Diện tích khu vực phòng học, khu vực nội trú:

(Trong trường hợp cơ sở vật chất mới bổ sung sau thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy phép tại Mục I.2 trên đây, doanh nghiệp cung cấp giấy tờ liên quan về cơ sở vật chất: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc hợp đồng thuê cơ sở vật chất; bảng kê do doanh nghiệp xác nhận về trang thiết bị, sơ đồ mặt bằng phòng học và khu vực nội trú)

VII. Thông tin về trang thông tin điện tử

Địa chỉ trang thông tin điện tử:

Thông tin quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật số 69/2020/QH14 được đăng tải và cập nhật thường xuyên tại địa chỉ:

VIII. Thông tin về ký quỹ

Ngân hàng nhận ký quỹ:

Số tài khoản ký quỹ

(Doanh nghiệp gửi kèm theo Giấy xác nhận ký quỹ theo nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định này)

Trên đây là báo cáo của doanh nghiệp..... về việc rà soát, thay đổi, bổ sung đáp ứng các điều kiện hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)

Mẫu số 07. Đăng ký hoạt động nghề giúp việc gia đình**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng... năm ...

V/v đăng ký hoạt động dịch vụ
đưa người lao động Việt Nam
đi làm giúp việc gia đình
ở nước ngoài

Kính gửi:

1. Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt¹:
- Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:
- Tên doanh nghiệp viết tắt:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: Email:
- Địa chỉ trang thông tin điện tử
- Số định danh của cơ quan, tổ chức:
- Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Số..... cấp ngày ... tháng ... năm
2. Nhân viên nghiệp vụ:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Số định danh cá nhân	Vị trí nghiệp vụ	Trình độ chuyên môn	Năng lực ngoại ngữ

3. Tài liệu gửi kèm theo:

- Bản sao văn bằng/chứng chỉ ngoại ngữ: bản

- Bản sao tài liệu thể hiện kinh nghiệm làm việc: bản

Doanh nghiệp cam kết các thông tin đã khai và giấy tờ kèm theo là chính xác.

Đề nghị Bộ Nội vụ đồng ý để doanh nghiệp tham gia đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình tại...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)

Mẫu số 08. Giấy xác nhận nộp tiền ký quỹ**TÊN NGÂN HÀNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

**GIẤY XÁC NHẬN NỘP TIỀN KÝ QUỸ
THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG NHẬN LAO ĐỘNG THỰC TẬP**

Căn cứ Nghị định số.../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Hợp đồng ký quỹ số ... ngày ... tháng ... năm ... đã ký kết giữa doanh nghiệp và ngân hàng.

Ngân hàng

Địa chỉ

Điện thoại liên hệ:..... Fax.....

XÁC NHẬN

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Mã số doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:Fax:

Chủ tài khoản:Chức danh:

Đã nộp số tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập ... (Bằng chữ:) vào tài khoản sốtại Ngân hàng.

Tài khoản ký quỹ nêu trên được phong tỏa kể từ ngày.....

Ngân hàng chịu trách nhiệm quản lý tài khoản ký quỹ nêu trên theo quy định tại Nghị định số.../2025/NĐ-CP.

Giấy xác nhận được lập thành 03 bản: 01 bản giao doanh nghiệp, 01 bản gửi⁷⁷ và 01 bản lưu tại ngân hàng.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

⁷⁷ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài từ 90 ngày trở lên) hoặc cơ quan chuyên môn về lao động thuộc UBND cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính (đối với Hợp đồng đào tạo nghề có thời gian đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài dưới 90 ngày).

**Mẫu số 09. Đăng ký hợp đồng lao động giao kết trực tiếp
sau khi xuất cảnh**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
GIAO KẾT TRỰC TIẾP SAU KHI XUẤT CẢNH**

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

1. Họ và tên:
2. Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:
3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../
4. Giới tính:
5. Nơi sinh:
6. Địa chỉ thường trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh:
7. Số điện thoại liên hệ ở nước ngoài:.....
8. Email:
9. Hợp đồng lao động số... đã ký ngày/...../..... tại
10. Thông tin người sử dụng lao động:
 - Địa chỉ:.....
 - Điện thoại:Email:.....
11. Nội dung chính của hợp đồng lao động:
 - Ngành, nghề, công việc:
 - Thời hạn hợp đồng:
 - Địa điểm làm việc:
 - Tiền lương, tiền công:

Tôi xin cam kết chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật nước đến làm việc, chịu trách nhiệm về hợp đồng lao động mà tôi đã ký và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của công dân Việt Nam theo quy định pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Mẫu số 10. Thông báo đáp ứng điều kiện**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

V/v thông báo hoạt động dịch vụ
đưa người lao động Việt Nam đi
làm tại thị trường

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Nội vụ.

I. Thông tin doanh nghiệpTên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt⁷⁸:

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:.....Email:

Trang thông tin điện tử:

Giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước
ngoài theo hợp đồng: Số.../..... cấp ngày ... tháng ... nămThông báo về việc đáp ứng điều kiện hoạt động đưa người lao động Việt Nam
đi làm việc tại thị trường, ngành nghề⁷⁹ như sau:**II. Thông tin đáp ứng điều kiện**1. Điều kiện hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Đài Loan
(Trung Quốc).

Doanh nghiệp đã đáp ứng các điều kiện:

a) Có nhân viên nghiệp vụ năng lực tiếng Trung tối thiểu HSK5 hoặc tương
đương và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi
làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc) là:- Họ và tên:, Ngày sinh....., Số định danh cá nhân.....; Vị trí nghiệp
vụ:; Mã số BHXH:; Ngày bắt đầu tham gia BHXH tại
doanh nghiệp:; Ngày ký hợp đồng lao động:

-

⁷⁸ Ghi bằng chữ in hoa.⁷⁹ Ghi thông tin các thị trường, ngành nghề thông báo đáp ứng điều kiện.

b) Trong thời gian 02 năm tính từ ngày đến ngày, doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

2. Điều kiện hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản
Doanh nghiệp đã đáp ứng các điều kiện:

Có nhân viên nghiệp vụ năng lực tiếng Nhật tối thiểu N2 (chuẩn JLPT) hoặc tương đương và có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại Nhật Bản là:

- Họ và tên:, Ngày sinh....., Số định danh cá nhân.....; Vị trí nghiệp vụ:; Mã số BHXH:; Ngày bắt đầu tham gia BHXH tại doanh nghiệp:; Ngày ký hợp đồng lao động:

-

3. Doanh nghiệp đã đáp ứng điều kiện đưa người lao động đi làm việc nghề hộ lý tại Nhật Bản cụ thể như sau:

a) Giáo viên bồi dưỡng kỹ năng nghề hộ lý cho người lao động theo chương trình của Nhật Bản là:

- Họ và tên:, Ngày sinh....., Số định danh cá nhân.....; Vị trí nghiệp vụ:; Mã số BHXH:; Ngày bắt đầu tham gia BHXH tại doanh nghiệp:; Ngày ký hợp đồng lao động:

b) Thông tin cơ sở đào tạo hoặc cơ sở liên kết đào tạo của doanh nghiệp để tổ chức đào tạo nghề hộ lý:

Tên cơ sở đào tạo:

Hình thức sử dụng:(ghi rõ cơ sở đào tạo của doanh nghiệp hoặc cơ sở liên kết đào tạo).

Địa chỉ:

Công ty cam kết các thông tin đã cung cấp chính xác.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên và chức danh)